

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 02/2019/ HSPT

Ngày 14 – 01 – 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Hải

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Tiến

Bà Nguyễn Thị Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2018/TLPT-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Lý Xuân D do có kháng cáo của bị cáo D đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Bị cáo có kháng cáo: Lý Xuân D, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1976, tại huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Tiến D, sinh năm 1946 và bà Lý Thị C, sinh năm 1953; có vợ là Đỗ Thu H, sinh năm 1979 và 01 con, sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27 tháng 4 năm 2012, được trả tự do theo Quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án số: 07/QĐ-VKSTC-V3 ngày 13/5/2014 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Xuân D:

Ông Lê Đức M, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư thành phố H Nội. Có mặt.

Ông Văn Tr C, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nh, Đoàn Luật sư thành phố H Nội. Có mặt.

Người bị hại: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đinh Thị T, sinh năm 1965.

Trú tại: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thu H, sinh năm 1979. Vắng mặt.

+ Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Những người làm chứng:

+ Chị Đinh Thị M, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Ông Giàng A L1, sinh năm 1965. Vắng mặt.

+ Chị Tráng Thị M, sinh năm 1972. Vắng mặt.

+ Anh Mùa A D, sinh năm 1980. Vắng mặt.

+ Chị Vàng Thị L2, sinh năm 1990. Vắng mặt.

+ Anh Vàng A Tr, sinh năm 1991. Vắng mặt.

+ Anh Giàng A N, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Mùa A K, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn K, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 17/7/2011, bà Đinh Thị T đến quán bán Hng của vợ chồng Đỗ Thu H, Lý Xuân D thuộc Thôn K, xã M, huyện V để hỏi về việc mua tranh đồi quế của Mùa A D mà bà T đã mua Trước đó. Thấy quán đóng cửa, bà T gọi: “Con H kia ! Mày ở đâu ra đây nói chuyện với tao ...”. Trong quán lúc này có chị H và em trai là Đỗ Xuân Đ đang nằm nghỉ trên chiếc võng, còn Lý Xuân D đang tắm ở sau bếp. Sau khi tắm xong, D đi lên thì thấy cửa quán vẫn đóng nên hỏi: “Sao không mở cửa ra?”. Chị H nói: “Sợ bà T vào gây sự. Đừng có mở”. D bảo: “Không mở làm sao về được?”. D lấy cặp sách buộc vào xe máy và đội mũ bảo hiểm lên đầu rồi đi ra cửa. D nhấc thanh cài cửa bằng gỗ dài 1,33 m, rộng 2,5 cm, dày 1,4 cm lên và đẩy cửa ra. Thấy bà T đứng ngoài sân chửi, D thanh mình là không biết việc mua bán đồi quế thế nào. D cầm then cài cửa dựng vào vách quán. D ngồi lên xe máy để đi thì bà T chặn lại không cho đi. D nói: “Chị không tránh em nổ máy, nếu đâm vào chị, em không chịu”. Bà T không tránh và nói: “Muốn về phải chui qua háng tao”. D định nổ máy đi thì bà T dùng chiếc mũ bảo hiểm xe máy đập một cái vào chắn bùn phía Trước xe và đập cái thứ hai vào tay lái phía bên trái xe máy. D rút tay lại thì xe máy đổ nghiêng sang bên phải, dựa vào cột nhà. Bà T xông vào định túm lấy chị H thì D đứng dậy, dùng tay đẩy bà T ra ngoài, đồng thời vợ luôn then cài cửa dựng gần đó. Bà T lao vào túm một đầu của thanh cài cửa giằng nhau với D. D vừa giằng co chiếc then cài cửa, vừa đẩy bà T ra ngoài. Bị tuột tay khỏi then cài cửa và ngã ra sân, bà T kêu lên là bị D đánh. Thấy thế, chị L là con gái bà T đang đứng Trước cổng Trờng Phổ thông dân tộc bán trú – Trung học cơ sở M V liền chạy lên dùng hai tay đỡ bà T dậy. Lúc này, D

cầm then cài cửa vụt 02 phút về phía bà T và chị L theo hướng từ phải sang trái, từ trên xuống dưới trúng vào vùng đỉnh đầu và gáy của chị L. Bị đánh, theo phản xạ chị L giơ tay lên đỡ và túm được vào đầu thanh cài cửa và giằng nhau với D. Ngay lúc đó, chị H chạy ra túm tóc chị L và cùng D kéo chị L vào trong nhà. Chị L buông tay cầm then cài cửa ra và túm tóc chị H. D định dùng then cài cửa vụt chị L nhưng bà T từ ngoài chạy vào túm một đầu then cài cửa và giằng co với D. Đang nằm ở vũng dãi vùng dẫy chạy đến cầm vào đầu then cài cửa phía D đang cầm để cùng D giằng co với bà T. D buông tay cầm then cài cửa đi ra chỗ chị H và chị L đang túm tóc nhau. D gỡ tay của chị L, bẻ ra phía sau và đẩy chị L ra khỏi quán. Cùng lúc đó, anh Đ vừa giằng co chiếc then cài cửa, vừa đẩy bà T ra hè quán. Thấy vậy, chị Đinh Thị M là em của bà T đang đứng ở ngoài sân cũng chạy vào cùng bà T giằng co chiếc then cài cửa với anh Đ. Đ đẩy bà T và chị M1 về phía chái nH. Thấy chị M1 cầm mũ bảo hiểm trên tay, Đ đã giật lấy và đập vào tay cầm then cửa của bà T và chị M1 làm hai người phải buông chiếc then cài cửa ra. Đ đi vào trong quán, dựng chiếc then cài cửa vào vách quán, vứt chiếc mũ bảo hiểm xuống nền quán rồi lên vũng nằm nghỉ. Lúc này, chị L cùng bà T và bà M1 tiếp tục chửi vợ chồng H D. Hai bên lời qua, tiếng lại một lúc thì D lấy xe chở chị H về nhà thuộc Thôn T, xã A, huyện V còn bà T, chị M1 và chị L đi về nhà bà T ở Thôn K, xã M, huyện V.

Về đến nhà, thấy chị L bị đánh đau, bà T đã báo cáo với anh Vàng A Tr là Công an viên. Anh Tr đã cùng gia đình bà T đưa chị L ra Trạm Y tế xã M V sơ cứu và tiếp tục đưa chị L đến Bệnh viện Đa khoa huyện Y, tỉnh Yên Bái điều trị.

Tại bệnh án ngoại khoa số: 1041 ngày 17/7/2011 của Bệnh viện Đa khoa huyện Y đã xác định thương tích của chị Đinh Thị L như sau: Vùng đỉnh đầu có khối sưng nề nhẹ KT (3 x 3) cm; vùng gáy sưng nề nhẹ ấn đau, không xây xước da; vùng cẳng chân phải 1/3 giữa mặt trong có khối sưng nề KT (4 x 3,5) cm ấn đau.

Sau 04 ngày điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Y, chị L được chuyển xuống Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái để kiểm tra. Ngày 20/7/2011, chị L được Bệnh viện Đa khoa huyện Y cho ra viện với chuẩn đoán: “Sang chấn vùng đầu, gáy, cẳng chân phải do bị đánh”. Sau thời gian điều trị từ ngày 20/7/2011 đến ngày 24/7/2011 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái, chị L được chuyển Bệnh viện tuyến trên để điều trị. Chị L ra viện trong tình trạng tỉnh, mạch và huyết áp ổn định, với chuẩn đoán của Bệnh viện là: “Chấn động não do bị đánh”.

Ngày 25/7/2011, chị L được đưa đến khám tại Bệnh viện Việt Đức – Hà Nội và được giới thiệu về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái để điều trị tiếp nhưng gia đình đã đưa chị L đến khám và điều trị tại Bệnh viện tư nhân Trảng An – Hà Nội từ ngày 25/7/2011 đến ngày 03/8/2011. Sau đó, chị L lại được đưa đi khám và điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương I với chuẩn đoán là: Rối loạn tâm thần thực tổn do tổn thương chức năng não. Quá trình điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương I, chị L có những biểu hiện: “Tư duy không liên quan, hoang tưởng bị hại; cảm xúc thay đổi; lo sợ, dễ bột phát; Hành vi lẩn tránh, tự chăm sóc kém; trí nhớ, trí năng giảm sút”. Điều trị đến ngày 25/8/2011 thì gia đình bà T xin cho chị L ra viện.

Ngày 30/8/2011, chị L về Trường Phổ thông Trung học Nội trú tỉnh Yên Bái tiếp tục học tập. Trong thời gian học tập tại Trường, chị L đã ba lần bị ngất và được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái.

Ngày 31/10/2011, gia đình đưa chị L đến điều trị tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Yên Bái với các biểu hiện: Sợ nhắc đến sự xô xát, khi nhắc đến, người bệnh luôn hốt hoảng, sợ hãi có lúc co rúm người lại, ăn ngủ kém, người bệnh rất sợ về thăm nhà; trí nhớ giảm sút, việc học hành không được duy trì như Trớc.

Ngày 16/11/2011, gia đình bà T xin cho chị L ra viện trong trạng thái tỉnh, tiếp xúc được, ăn ngủ được và với chuẩn đoán: “Theo dõi rối loạn Stress sau sang chấn tâm lý”.

Tại biên bản giám định số: 03/BBGD ngày 31/01/2012 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần tỉnh Yên Bái đã kết luận:

1. Đinh Thị L bị bệnh tâm thần;
2. Đinh Thị L bị bệnh Hội chứng sau chấn động não (Do bị đánh vào đầu). Theo bảng phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (ICD – X) thuộc mục: F 07.2.
3. Hiện tại Đinh Thị L có đủ khả năng nhận thức và điều khiển Hành vi.

Tại bản Kết luận giám định số: 19/GDPY ngày 11/4/2012 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Đinh Thị L bị hội chứng rối loạn thần kinh, tâm thần sau chấn động não mức độ trung bình, tổn hại 21 % sức khỏe.

Tại bản Kết luận giám định số: 01/GDPY ngày 11/4/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Đoạn gậy gỗ được gửi đến giám định nếu tác động một lực mạnh nhất định vào vùng đầu, vùng gáy (Vùng đầu cổ sau) của chị L hoàn toàn gây ra các vết thương ở vùng đỉnh đầu như trong bệnh án đã mô tả.

Tại bản Kết luận giám định số: 11158/C54(TT1) ngày 21/12/2015 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát đã kết luận:

1. Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương sưng nề tụ máu vùng đỉnh đầu, vùng gáy chị Đinh Thị L do vật tày tác động trực tiếp gây nên.
2. Chiếc mũ bảo hiểm gửi giám định gây được tổn thương vùng đỉnh đầu, vùng gáy chị Đinh Thị L (Phụ thuộc vào vị trí, tư thế của thủ phạm và bị hại; vị trí tiếp xúc của chiếc mũ).

Tại bản Kết luận giám định số: 11493/C54(TT1) ngày 25/12/2015 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát đã kết luận:

1. Với vị trí, tư thế giữa chị Đinh Thị L và Lý Xuân D; động tác D cầm gậy gỗ đánh vào vùng đầu, vùng gáy chị L có thể tạo ra thương tích vùng đỉnh đầu và vùng gáy chị L như mô tả trong bệnh án.
2. Với vị trí, tư thế giữa chị Đinh Thị L và Đỗ Xuân Đ; động tác Đ cầm mũ bảo hiểm đánh vào vùng đầu chị L có thể tạo ra thương tích vùng đỉnh đầu và vùng gáy chị L như mô tả trong bệnh án.

Tại bản Kết luận giám định số: 10/GDPY ngày 09/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Cả hai mẫu vật gửi giám định gồm một gậy gỗ và một mũ bảo hiểm gửi giám định đều là vật tày, có cạnh.

Vụ án đã nhiều lần được đưa ra xét xử.

Ngày 30/8/2012, Tòa án nhân dân huyện Y đã xử phạt bị cáo Lý Xuân D 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số: 30/2012/HSST).

Tại bản án số: 42/2012/HSPT ngày 13/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Y.

Ngày 12/5/2014, Viện Trồng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có kháng nghị giám đốc thẩm.

Ngày 23/9/2014, Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao xử giám đốc thẩm tuyên hủy bản án phúc thẩm số: 42/2012/HSPT ngày 13/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái và bản án sơ thẩm số: 30/2012/HSST ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Y để điều tra lại nhằm làm rõ: Ai là người đã gây thương tích cho chị L ? Trong vụ án này có đồng phạm hay không ? Thương tích trên người chị L có phải do thanh gổ và mũ bảo hiểm được thu giữ trong vụ án này gây ra hay không ?

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2017/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lý Xuân D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2, Điều 104; điểm đ, khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 144/2016/QH 13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7 và điểm x, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lý Xuân D 02 năm, 16 ngày tù.

Tại bản án số: 28/2017/HS-PT ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2017/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái để điều tra lại do có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội trong Hành vi cố ý gây thương tích đối với Đinh Thị L và do có những mâu thuẫn trong lời khai chưa được đối chất.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lý Xuân D phạm tội: Cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Lý Xuân D 02 năm 16 ngày tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, việc xử lý vật chứng, việc chịu án phí, quyền kháng cáo và các quyền về thi hành án dân sự cho bị cáo và các đương sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, bị cáo Lý Xuân D có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử lại theo trình tự phúc thẩm để minh oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lý Xuân D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo D kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bị cáo D kháng cáo kêu oan nhưng trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa đã cho thấy: Do mâu thuẫn về việc mua bán đôi quế của anh Mùa A D, khoảng 16 giờ ngày 17/7/2011, bà T đã đến quán bán Hng của Lý Xuân D ở Thôn K, xã M, huyện V chửi vợ chồng bị cáo D dẫn đến hai bên xảy ra xô xát. Trong lúc giằng co với bị cáo D, bà T bị ngã ra sân nên chị L chạy đến đỡ bà T dậy thì bị Lý Xuân D dùng chiếc then cài cửa bằng gỗ vọt vào đỉnh đầu và vùng gáy gây thương tích 21 %. Hnh vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho chị L nêu trên của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo D về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, không oan. Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, giữ nguyên bản án sơ thẩm và buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo D đã tiến Hành tranh tụng và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 13; điểm d khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số: 110/2015/QH 13 của Quốc hội: Hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án.

Bị cáo D nhất trí với các ý kiến tranh tụng của người bào chữa. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử công minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo D kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Đây là vụ án phức tạp, do: Người bị hại khi bị gây thương tích là người chưa tHnh niên và bị ảnh hưởng về sức khỏe tâm thần; đại diện theo pháp luật của người bị hại và hầu hết những người làm chứng là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp; vụ án phải điều tra, xét xử nhiều lần, trong một thời gian dài làm cho người làm chứng phải đi lại nhiều lần nên chán nản, không muốn hợp tác cùng với tâm lý ngại va chạm, ngại phiền toái và các lý do khác nhau đã khiến cho việc điều tra, chứng minh Hnh vi phạm tội gặp rất nhiều khó khăn.

Trong vụ án này, ban đầu bị cáo Lý Xuân D không thừa nhận đã gây thương tích cho chị L sau đó lại nhận tội, nhưng từ phiên tòa sơ thẩm mở ngày 30/8/2012 tới nay thì bị cáo không nhận tội. Trong khi đó, Đỗ Xuân Đ lúc đầu nhận gây thương tích cho chị L, sau đó không nhận nhưng từ phiên tòa phúc thẩm mở ngày 13/12/2012 cho tới nay anh Đ lại nhận tội.

Trong những lời nhận tội, bị cáo Lý Xuân D khai đã dùng then cài cửa vệt 02 phát vào vùng đầu và gáy chị L khi chị L đang cúi xuống đỡ bà T ở ngoài sân, còn Đỗ Xuân Đ thì khai dùng mũ bảo hiểm đánh vào đầu chị L, khi chị L đang vật lộn với chị H ở trong quán.

Các Kết luận giám định cho thấy: Tổn thương sùng nề tụ máu vùng đỉnh đầu, vùng gáy chị Đinh Thị L do vật tày tác động trực tiếp gây nên. Chị L bị hội chứng rối loạn thần kinh, tâm thần sau chấn động não mức độ trung bình, tổn hại 21 % sức khỏe. Gậy gỗ và mũ bảo hiểm được cơ quan điều tra thu thập gửi giám định đều là vật tày, có cạnh và đều có thể tạo ra thương tích vùng đầu và vùng gáy chị L như mô tả trong bệnh án.

Để xác định ai là người đã gây thương tích cho chị L vào chiều ngày 17/7/2011, tại quán của vợ chồng Lý Xuân D thuộc Thôn K, xã M, huyện V, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần lưu ý các vấn đề sau:

Lời nhận tội này của anh Đ chỉ được bị cáo D là anh rể và Đỗ Thu H là chị ruột của Đ thừa nhận. Ngoài ra, không có ai nhìn thấy anh Đ đánh chị L.

Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai lập hồi 09 giờ ngày 25/11/2011 (Bút lục (Sau đây viết tắt là BL) 218 và 219), anh Đ khai: “...Tôi không được đánh chị L cái nào, còn ai đánh chị L thì tôi không biết vì khi tôi vào quán thì chị L đã ở ngoài cổng quán.

Do tôi thấy chị L bị thương phải đi điều trị và sợ ảnh hưởng đến anh chị H, D nên tôi đã tự nhận là tôi đánh vào đầu chị L. Thực tế tôi không được đánh chị L cái nào, còn ai đánh vào đầu chị L thì tôi không biết.

... Trong quá trình làm việc tôi không bị ai đánh đập, ép cung. Những gì tôi trình bày Trước cơ quan điều tra ngày hôm nay là do tôi tự nguyện khai báo đúng sự thật”.

Tại biên bản ghi lời khai hồi 08 giờ 30 phút ngày 06/4/2012 (BL 220 và 221), anh Đ khai: “...Bản thân tôi không được đánh cháu L nhưng tôi nghe dân ở đó nói là bà T nói cháu L bị thầy D đánh nên tôi mới biết. **Do sợ liên quan đến anh D nên tôi đã nhận thay anh D vì anh D là giáo viên, nếu bị xử lý sẽ ảnh hưởng đến công việc**”.

Những lời khai trên đã cho thấy phần nào động cơ nhận tội của Đỗ Xuân Đ.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai lập hồi 08 giờ 10 phút ngày 16/4/2012 (BL 292 và 293), ông Giàng A L1 khai: Khi tôi ra xem thì thấy cháu L đang bị thầy D túm tay và túm tóc. Tôi không thấy ai đánh cháu L. **Sau khi thầy D buông cháu L ra thì cháu L chạy ra ngoài sân và lúc đó Đ mới đi từ ngoài vào trong nh.**

Như vậy, chưa đủ căn cứ để kết luận Đỗ Xuân Đ đã gây thương tích cho chị Đinh Thị L.

Về những lời nhận tội của bị cáo Lý Xuân D, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Thứ nhất, tại các bản tường trình ngày 14 và 15/6/2012 (BL 176 – 178), bị cáo viết: “Lý do tôi viết bản tường trình khai báo thành khẩn tội lỗi của bản thân để mong được sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước, việc viết bản tường trình là hoàn toàn tự

nguyên, không có sự ép buộc của bất kỳ ai”, bị cáo còn thừa nhận: Khi Đinh Thị L vào đỡ bà T, bị cáo đã dùng chiếc then cài cửa bằng gỗ vọt hai nhát trúng vào đầu L.

Tại các biên bản hỏi cung bị can lập ngày 16 và 20/6/2012 (BL 183 – 186), bị cáo cũng thừa nhận đã dùng chiếc then cài cửa bằng gỗ vọt nhiều nhát về phía bà T và đã vọt trúng L.

Khi nhận bản Kết luận điều tra do Cơ quan điều tra tổng đạt (BL 434) và biên bản giao nhận Cáo trạng (BL 463), bị cáo đã viết vào biên bản: “Tôi nhất trí không có ý kiến gì” và “Tôi đã được đọc và nghe Cáo trạng của Viện kiểm sát và nhất trí với bản Cáo trạng”.

Ngày 13/7/2012, khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y lập biên bản hỏi cung có Luật sư Bùi Đức V (Người bào chữa cho bị can trong giai đoạn điều tra), bị cáo cũng thừa nhận đã vọt ba nhát về phía bà T nhưng không biết vọt trúng ai, trúng vào đâu. Lời khai trên của tôi là đúng sự thật (BL 451 và 452).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo tiếp tục khẳng định: Trong quá trình điều tra, bị cáo không bị Kiểm sát viên ép cung, mớm cung.

Thứ hai, thương tích trên đầu và gáy chị L là do bị đánh vào chiều ngày 17/7/2011, tại khu vực quán bán Hng của vợ chồng H, D thuộc Thôn K, xã M, huyện V. Lúc đó, Lý Xuân D có mặt tại hiện Trường. Kết luận giám định cho thấy chị L bị tổn hại 21 % sức khỏe.

Thứ ba, quá trình điều tra bổ sung chị L và bà Đinh Thị T khẳng định thương tích trên đầu và gáy chị L là do bị cáo D dùng then cài cửa bằng gỗ đánh khi chị L đang cúi xuống đỡ đỡ bà T. Lúc đó, chị L đang ở ngoài sân của quán bán Hng nh H D.

Thứ tư, ngoài biên bản ghi lời khai anh N lập hồi 09 giờ ngày 23/4/2012 mà cô Bàn Thị Thủy vắng mặt 45 phút do phải lên lớp giảng dạy thì những lời khai sau đây có sự chứng kiến từ đầu đến cuối của cô Thủy, giáo viên chủ nhiệm lớp 8 A, Trường Phổ thông dân tộc bán trú – Trung học cơ sở M V, huyện Y, đó là:

Tại biên bản nhận dạng lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 23/4/2012 (BL 251), anh N trình bày: “Cháu nhìn thấy thầy D cầm một đoạn gậy là chiếc then cửa dài hơn 1 m vọt vào đầu và gáy chị L. Khi thầy D vọt chị L thì lúc này chị L đang cúi xuống đỡ bà T dậy, đầu chị L quay về phía thầy D, còn mông chị L quay ra ngoài đường. Do cháu đứng ở phía trên và đứng ở đối diện với cửa quán, cách cửa quán của Đ khoảng 10 mét nên cháu nhìn rõ đoạn gậy mà thầy D đã cầm. Khi cơ quan điều tra cho cháu nhận dạng thì cháu nhận ra và khẳng định đoạn gậy số 3 chính là đoạn gậy và là chiếc then cài cửa mà thầy D đã dùng để đánh chị L”.

Tại biên bản ghi lời khai hồi 16 giờ ngày 03/5/2012 (BL 248 và 249), anh N khai: ... Khi chị L cúi xuống đỡ bà T dậy thì thầy D giăng gậy từ tay cô H. Cháu thấy thầy D dùng tay phải cầm gậy vọt một cái từ trên xuống trúng vào phía sau đầu của chị L. Khi bị thầy vọt trúng vào đầu thì cháu thấy chị L lao về phía thầy cô H D. Chị L đẩy thầy cô vào trong nhà thì chị L bị ngã sấp, hai tay chống xuống đất, một chân duỗi thẳng, một chân quỳ đầu gối xuống đất.

Mặc dù ngày 07/01/2015 và các lời khai sau này, anh N khai: “Ngày 17/7/2011, tôi đi thả trâu một mình ở đồi Khe Mấy, thôn Khe Lóng 3. Tôi đi cả ngày, đến 17 giờ cùng ngày thì đuổi trâu về. Việc đánh nhau giữa gia đình bà T và gia đình H D, tôi không được biết. Những lời khai Tróc đây của tôi là do cán bộ lấy lời khai tự viết vào, tôi không được khai như thế” nhưng tại biên bản ghi lời khai lập hồi 17 giờ 30 phút ngày 09/02/2015, (BL 45 và 46), chị Vàng Thị L2 khai: “Khi tôi bế con chạy từ đường gần nhà D lên chỗ nhà ông L1 thì tôi thấy chị M vợ ông L1 và **cháu N đứng ở đó**”; tại biên bản ghi lời khai lập hồi 08 giờ ngày 04/5/2012 (BL 283 và 284), chị Tráng Thị M khai: “Khi bà T lên quán thầy D chửi thì lúc đó tôi và **con trai tôi là Giàng A N đang xay ngô và đứng ở đầu hồi nhà đối diện với quán của thầy D**, cách quán thầy D khoảng 10 mét nên tôi nhìn thấy sự việc xô xát giữa thầy cô H D với bà T”; tại biên bản lấy lời khai lập hồi 08 giờ 10 phút ngày 16/4/2012 (BL 292 và 293), ông Giàng A L1 khai: **Sau khi sự việc xảy ra thì con trai tôi là Giàng A N, hiện đang là học sinh lớp 8 Trường Trung học cơ sở xã M V có nói với tôi là cháu N nhìn thấy thầy D cầm chiếc then cửa vụt vào vùng gáy và cổ cháu L**. Tôi chỉ nghe cháu nói như vậy vì **hôm đó cháu cũng có mặt ở nhà**, còn thực tế như thế nào thì tôi không biết; tại biên bản lấy lời khai lập hồi 07 giờ ngày 24/4/2012 (BL 294), ông L1 khai: Con trai tôi là **Giàng A N có nói với tôi là nhìn thấy thầy D cầm then cửa đánh cháu L**. Bản thân tôi không nhìn thấy; tại biên bản lấy lời khai lập hồi 13 giờ 40 phút ngày 31/5/2012, có ông Phạm Quý Bẩy, Phó Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia (BL 425), ông L1 khai: **Ngày 17/7/2011, tức ngày xảy ra xô xát giữa mẹ con bà T và vợ chồng Lý Xuân D tại nhà anh D gần nhà tôi thì Giàng A N có mặt tại nhà vì hôm ấy N nghỉ học**. Tôi chỉ được tham gia làm việc với cơ quan Công an một lần với tư cách là người giám hộ cho con tôi là N, địa điểm làm việc tại gia đình tôi. Anh Nguyễn Doãn Hạnh trực tiếp làm việc với con tôi về nội dung sự việc xảy ra xô xát giữa mẹ con bà T và Lý Xuân D, Đỗ Thu H. **Thái độ anh Hạnh làm việc bình thường, không ép con tôi, cháu tự nguyện khai báo. Việc tôi khai với Luật sư là anh Hạnh ép con trai tôi khai báo là vì tôi thấy anh Hạnh hỏi con tôi nhiều lần**; tại biên bản ghi lời khai lập hồi 10 giờ ngày 16/11/2017 (BL 29 và 30 tập 3), ông L1 khai: Sau khi sự việc xảy ra, Công an huyện Y đã gọi hỏi, làm việc với gia đình tôi nhiều lần nên khiến gia đình tôi mất nhiều thời gian. Do đó, khi cơ quan Công an hỏi về con trai tôi là cháu N, tôi đã nói cháu N không ở nhà. Nay tôi tự nhận thức được việc tôi khai báo cháu N không có ở nhà là sai, không đúng sự thật nên tôi xin khai lại là: Khi tôi dậy ra cửa nhìn xuống quán anh D, chị H thì vợ tôi là M và con tôi là N đang xay ngô ở ngoài cửa bếp, đối diện với cửa quán của anh D.

Như vậy, việc anh N thay đổi lời khai, cho rằng mình đi chăn trâu cả ngày, không được chứng kiến việc đánh nhau giữa vợ chồng H D và mẹ con bà T là biểu hiện của sự né tránh, không phản ánh đúng thực tế khách quan. Lời khai của anh N tại các bút lục 248, 249 và 251 vẫn đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ và có giá trị chứng minh.

Tóm lại, lời nhận tội của bị cáo Lý Xuân D tại các bút lục 176 - 186, 451, 452 cùng những lời khai của chị L, bà T, anh N, ông L1, chị L2 và chị M trên đây đã phù

hợp với vật chứng của vụ án là chiếc then cài cửa, phù hợp với biên bản xác định hiện Trồng, sơ đồ hiện Trồng, biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với các Bệnh án và các Kết luận giám định có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ khẳng định: Do mâu thuẫn về việc mua bán đôi quế của anh Mùa A D, khoảng 16 giờ ngày 17/7/2011, bà T đã đến quán bán Hng của Lý Xuân D ở Thôn K, xã M, huyện V chửi vợ chồng D dẫn đến hai bên xảy ra xô xát. Trong lúc giằng co với D, bà T bị ngã ra sân nên chị L chạy đến đỡ bà T dậy thì bị Lý Xuân D dùng tay phải cầm chiếc then cài cửa bằng gỗ vut 02 phát từ trên xuống dưới, từ phải qua trái vào vùng đỉnh đầu và vùng gáy gây tổn hại 21 % sức khỏe cho chị L. Hnh vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho chị L nêu trên của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo D về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, không oan.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm của Hnh vi phạm tội, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội, nhân thân của bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình và xử phạt bị cáo mức án 02 năm 16 ngày tù là thỏa đáng. Việc xử lý vật chứng, việc bồi thường thiệt hại và việc buộc bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên cũng được giữ nguyên.

Như vậy, kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo D phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Xuân D, giữ nguyên bản án số: 23/2018/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái như sau:

Tuyên bố bị cáo Lý Xuân D phạm tội: Cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Lý Xuân D 02 (Hai) năm 16 (Mười sáu) ngày tù. (Xác nhận bị cáo đã chấp Hnh xong hình phạt tù nêu trên).

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lý Xuân D phải bồi thường cho chị Đình Thị L 38.815.000 (Ba mươi tám triệu, tám trăm mười lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án, nếu người phải thi Hnh án chưa thi Hnh xong khoản tiền bồi thường nêu trên thì Hng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản

2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền chậm thi Hình án tại thời điểm thanh toán.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) đoạn gậy gỗ hình chữ nhật có kích thước dài 133 cm; rộng 2,5 cm; dày 1,4 cm và 01 (Một) mũ bảo hiểm xe mô tô màu đỏ tím.

Căn cứ khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lý Xuân D phải nộp: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm và 1.940.700 (Một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi Hình án dân sự và người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lý Xuân D phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại H Nội;
- Phòng GĐKT 1, TANDTC;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan HS-NV Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Tòa án, VKS, CA huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Lưu HS + VP.

(đã ký)

Trần Trung Hải